

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

Số:~~2013~~ /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Thuận, ngày ~~26~~ tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của Sở Nông nghiệp phát triển nông thôn; UBND cấp huyện
và UBND cấp xã tỉnh Ninh Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành
chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ
sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng,
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục
hành chính;

Căn cứ Quyết định số 517/QĐ-BNN-KHTT ngày 07/2/2018 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành
chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành
chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành
chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2767/QĐ-BNN-KHTT ngày 12/7/2018 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành
chính ban hành thay thế, bị thay thế, bị bãi bỏ về lĩnh vực nông nghiệp và phát
triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát
triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3457/QĐ-BNN-TCTS ngày 30/8/2018 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành

chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ về lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 266/TT-SNNPTNT ngày 13/11/2018 và ý kiến của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 188 /BC-VPUB ngày 26/11/2018,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế:

- Quyết định số 3224/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 09/1/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực phát triển nông thôn thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT, PCT. UBND tỉnh Trần Quốc Nam;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, TTTH-CB, KTT;
- Lưu: VT, TCDNC.TXS

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Nam

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG
NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN; UBND CẤP HUYỆN VÀ UBND CẤP XÃ TỈNH NINH THUẬN**
 (Là hành kẽm theo Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)



**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG
NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC THỦY LỢI				
01	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh cấp phép	Chi cục Thủy lợi, địa chỉ: số 1, đường Nguyễn Khuyển, Phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm	Không	Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố TTTHC mới ban hành, TTTHC được sửa đổi, bổ sung, TTTHC thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT

02	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh cấp phép	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
03	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và PTNT 16 ngày làm việc; - UBND tỉnh 05 ngày làm việc. 	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
04	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và PTNT 16 ngày làm việc; - UBND tỉnh 05 ngày làm việc. 	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
05	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và PTNT 13 ngày làm việc; - UBND tỉnh 05 ngày làm việc. 	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

06	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và PTNT 16 ngày làm việc; - UBND tỉnh 05 ngày làm việc. 	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
07	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và PTNT 06 ngày làm việc; - UBND tỉnh 05 ngày làm việc. 	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
08	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và PTNT 06 ngày làm việc; - UBND tỉnh 05 ngày làm việc. 	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
09	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và PTNT 03 ngày làm việc; - UBND tỉnh 02 ngày làm việc. 	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

10	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và PTNT 03 ngày làm việc; - UBND tỉnh 02 ngày làm việc. 	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
11	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và PTNT 04 ngày làm việc; - UBND tỉnh 03 ngày làm việc. 	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và PTNT 07 ngày làm việc; - UBND tỉnh 04 ngày làm việc. 	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
13	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và PTNT 03 ngày làm việc; - UBND tỉnh 02 ngày làm việc. 	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

14	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và PTNT 07 ngày làm việc; - UBND tỉnh 04 ngày làm việc. 	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
15	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và PTNT 04 ngày làm việc; - UBND tỉnh 03 ngày làm việc. 	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
16	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nô mìn và các hoạt động gây nô khát thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và PTNT 04 ngày làm việc; - UBND tỉnh 03 ngày làm việc. 	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
II LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN					
01	Kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	07 ngày làm việc	Chi cục Phát triển nông thôn, địa chỉ số 163, đường 21/8, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm	Không	Quyết định số 517/QĐ-BNN-KTHT ngày 07/2/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố TTTHC thay thế, thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà

					nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
02	Công nhận làng nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và PTNT 16 ngày làm việc; - UBND tỉnh 05 ngày làm việc. 	- Như trên -	- Như trên -	Quyết định số 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố TTHC ban hành thay thế, bị thay thế, bị bãi bỏ về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
03	Công nhận nghề truyền thống	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và PTNT 16 ngày làm việc; - UBND tỉnh 05 ngày làm việc. 	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
04	Công nhận làng nghề truyền thống	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và PTNT 16 ngày làm việc; 	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

		- UBND tỉnh 05 ngày làm việc.			
III	LĨNH VỰC THỦY SẢN				
1	Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (bao gồm cả giống thủy sản bồ mè chủ lực nếu được ủy quyền).	Không quá 01 ngày làm việc sau khi có kết quả kiểm tra	Chi cục Thủy sản, số 38, đường Hải Thượng Lãn Ông, thành phố PR-TC	470.000 đồng + Số lượng mẫu x 80.000 đồng/mẫu	Quyết định số 3457/QĐ-BNN-TCTS ngày 30/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố TTTHC mới ban hành, TTTHC được sửa đổi, bổ sung, TTTHC bị bãi bỏ về lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Cấp mã số nhận diện ao nuôi cá Tra thương phẩm (cấp lần đầu và cấp lại).	Không quá 02 ngày	- Như trên -	Không	- Như trên -
3	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá không thời hạn (đối với tàu cá nhập khẩu)	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
4	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (đối với tàu cá nhập khẩu)	03 ngày làm việc	- Như trên -	Không	- Như trên -
5	Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác	02 ngày làm việc	Ban quản lý các cảng cá	700.000đ/lần	- Như trên -
6	Chứng nhận sản phẩm thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy	02 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, số 38, đường Hải	Không	- Như trên -

	dịnh về đánh bắt bát hợp pháp		Thượng Lãnh Ông, thành phố PR-TC		
7	Chứng nhận lại sản phẩm thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy định về đánh bắt bát hợp pháp	02 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
8	Đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bát hợp pháp	04 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
9	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
11	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
12	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá thuộc diện thuê tàu trần hoặc thuê - mua tàu	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
13	Đăng ký thuyền viên và cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
14	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
15	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cài hoàn	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
16	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
17	Cấp giấy phép khai thác thủy sản	03 ngày làm việc	- Như trên -	40.000đ/ lần	- Như trên -
18	Cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản	02 ngày làm việc	- Như trên -	20.000đ/	- Như trên -

				lần	
19	Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	03 ngày làm việc	- Như trên -	20.000đ /lần	- Như trên -
20	Xác nhận đăng ký tàu cá	05 ngày làm việc	- Như trên -	Không	- Như trên -
21	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cài hoán tàu cá	05 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
22	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	13 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY LỢI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ
NƯỚC CỦA UBND CẤP HUYỆN**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp	21 ngày làm việc	Bộ phận 1 cửa của UBND cấp huyện	Không	Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY LỢI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ
NƯỚC CỦA UBND CẤP XÃ**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiêu tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	05 ngày làm việc	Bộ phận 1 cửa của UBND cấp xã	Không	Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn